TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 23-5-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hoàng Thị Tám

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hà Thị Thuý Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 252/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 11-4-2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1944 – vắng mặt

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956 – có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nâm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần N, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 3, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Phi L, sinh năm 1985 (đã chết)

Bà Nguyễn T, sinh năm 1987 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nâm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L: Bà Nguyễn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã Nâm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần N và bà Nguyễn Thị S trình bày*: Do có sự quen biết với nhau nên vào ngày 27-01-2019 ông H, bà S có cho ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T vay số tiền gốc là 250.000.000đồng, ông L, bà T có làm hợp đồng vay tiền (giấy viết tay). Thời hạn trả nợ là trong vòng 5 năm, 01 năm trả 60.000.000đồng, trong vòng 5 năm thanh toán đầy đủ, giấy mượn tiền có chữ ký của ông L, bà T. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay ông L, bà T không thực hiện trả nợ hàng năm như đã thoả thuận trong giấy vay tiền, mặc dù ông H, bà S đã đòi nhiều lần nhưng ông L, bà T vẫn không trả, về tiền lãi suất không có thỏa thuận. Ngoài ra tháng 3 năm 2019 ông L, bà T vay thêm 100.000.000 đồng của ông H, bà S, thời hạn trả nợ là sang năm 2020, khi cho vay 100.000.000 đồng này không viết giấy tờ vay tiền. Ông N yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T phải trả cho ông H, bà S số tiền gốc 350.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng, tính từ ngày 27-01-2020 cho đến khi Toà án cấp sơ thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà S và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 117.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, nay ông N yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Phi L và bà Nguyễn Thị T, đồng thời là người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông L phải trả cho ông H, bà S số tiền gốc 233.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn T trình bày: Vào ngày 27-01-2019 ông H, bà S có cho ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T vay số tiền gốc là 250.000.000đồng, bà T là người viết hợp đồng vay tiền (giấy viết tay) có chữ ký của ông L và bà T. Thời hạn trả nợ là trong vòng 5 năm, 01 năm trả 60.000.000đồng, trong vòng 5 năm thanh toán đầy đủ, bà T đã thanh toán cho bà S, ông H được 17.000.000đồng tiền gốc. Bà T thừa nhận là hiện nay có nợ số tiền gốc là 233.000.000đồng của ông H, bà S và thừa nhận là có vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tiền và ông S, bà S đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn và chồng đã chết nên chưa có tiền để trả nên ông H, bà S khởi kiện bà T là đúng. Nay bà T đề nghị Toà án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với ông Phạm Phi L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông L trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì được biết bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn A, xã Nâm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, nhưng không hợp tác với Tòa án và cố tình trốn tránh. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của

Tòa án đối với bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đụng án.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Những tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, thể hiện ông L, bà T có vay tiền của ông H, bà S số tiền gốc là 250.000.000đồng là đúng, quá hạn trả nợ nhưng ông L, bà H không trả, quá trình giải quyết vụ án bà T đã thừa nhận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bà đã trả được 17.000.000đồng tiền gốc, tại phiên toà bà S cũng thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà S và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 117.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 233.000.000 đồng.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S đối với bà Nguyễn Thị T và người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự, tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị T và người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L phải trả cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 233.000.000đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu số tiền gốc 117.000.000 đồng và toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Phi L là bị đơn trong vụ án đã chết, nên đưa bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông L theo quy định khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà Nguyễn Thị T là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông L trong vụ án vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hà theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Phi L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn A, xã Nâm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông H, bà S yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Phi L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông H, bà S số tiền gốc 350.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 27-01-2020 cho đến khi Toà án cấp sơ thẩm xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ông Hoàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L phải trả cho ông Huy, bà Sang số tiền gốc 233.000.000đồng.

[2.1]. Xét về yêu cầu khởi kiện của ông H, bà S, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng vay (giấy vay tiền viết tay) ngày 27-01-2019 giữa ông H, bà S với ông Phạm Phi L và bà Nguyễn Thị T theo đó bà T, ông L vay số tiền 250.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là trong vòng 5 năm, mỗi năm phải trả số tiền 60.000.000đồng, ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T có vay và ký vào giấy vay tiền ngày 27-01-2019 là có thật. Việc thỏa thuận những nội dung trong hợp đồng vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*". Về hiệu lực của hợp đồng được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 401 của Bộ luật dân sự, khoản 1: "*Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác*", khoản 2: "*Từ thời điểm giao kết hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật*". Như vây, hợp đồng vẫn có hiệu lực pháp luật, vì không có sự thỏa thuận nào khác cũng như sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng nên các bên phải thực hiện hợp đồng theo cam kết.

[2.2]. Về thời hạn trả nợ: Hợp đồng vay (giấy vay tiền viết tay) ngày 27-01-2019 giữa giữa ông H, bà S với ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T có thỏa thuận thời hạn trả nợ là là trong vòng 5 năm, mỗi năm phải trả số tiền 60.000.000đồng, đây là việc thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn, được quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự, cụ thể "*Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý*". Đến hạn trả nợ theo hợp đồng thì mỗi năm phải trả 60.000.000đồng nhưng từ năm 2019 cho đến nay ông L, bà T chỉ mới trả được 17.000.000 đồng tiền gốc và

các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ nào khác, theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Ông H, bà S đã đòi nợ nhiều lần, việc này chị Hà thừa nhận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xác định được số tiền nợ là 233.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Toà án thừa nhận nên không phải chứng minh.

[3]. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 117.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 233.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đã rút.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S đối với ông Phạm Phi L và bà Nguyễn T. Buộc bà Nguyễn T và người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L phải trả cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S số tiền tiền gốc là 233.000.000đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S được chấp nhận nên bà Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 11.650.000đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S đối với bà Nguyễn T. Buộc bà Nguyễn T phải trả cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 233.000.000đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn T còn phải trả cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Sa đối với yêu cầu số tiền gốc 117.000.000 đồng và toàn bộ yêu cầu tính tiền lãi suất đã rút.

Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu khởi kiện đã rút mà Toà án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Nguyễn Thị Hà phải nộp 11.650.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk S;
- Chi cục THADS huyện Đắk S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.